

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST

Ngày 18-4-2023

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đặng Thị Lan Anh;

Ông Nguyễn Xuân Quý.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Dương Hữu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2023 tại Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 224/2022/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 12 năm 2022 về việc "Ly hôn", giữa:

- **Nguyên đơn:** Bà Lô Thị H, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn C, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Hoàng Thanh T, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn C, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; địa chỉ khác: Tổ *, khối *, đường N, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- **Người làm chứng:** Bà Phạm Thị H, sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ *, khối *, đường N, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Lô Thị H trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Hoàng Thanh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 1986 tại Ủy ban nhân dân xã Q (nay là Ủy ban nhân dân thị trấn Đ), huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Do thời gian đã lâu nên bà đã bị mất Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, bà cũng đã về Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn để xin lại Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nhưng Ủy ban nhân dân thị trấn Đ cũng không còn lưu giữ. Quá trình

chung sống bà và ông Hoàng Thanh T có nhiều mâu thuẫn với nhau, thời điểm bà đi tù thì ông Hoàng Thanh T và bà Phạm Thị H có chung sống với nhau, hiện nay bà không còn tình cảm gì với ông Hoàng Thanh T nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Hoàng Thanh T.

- Về con chung: Bà và ông Hoàng Thanh T có 03 con chung là Hoàng Ngọc A, sinh ngày 25/6/1986, Hoàng Anh T, sinh ngày 22/9/1989, Hoàng Trọng N, sinh ngày 11/4/1992. Do các con chung đều đã trên 18 tuổi nên bà không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai, ông Hoàng Thanh T trình bày như sau: Ông và bà Lô Thị H kết hôn và chung sống với nhau từ năm 1986, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q (nay là Ủy ban nhân dân thị trấn Đ), huyện C, tỉnh Lạng Sơn vào năm 1986. Tuy nhiên hiện nay giấy chứng nhận đăng ký kết hôn đã thất lạc, ông cũng không còn bản giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nào. Trong quá trình chung sống giữa ông và bà Lô Thị H có nhiều mâu thuẫn gay gắt. Thời điểm bà Lô Thị H đi tù thì ông và bà Phạm Thị H có chung sống với nhau, bà Phạm Thị H đã hỗ trợ, giúp đỡ ông nhiều thứ. Bà Lô Thị H cũng biết việc ông và bà Phạm Thị H chung sống với nhau, bà Lô Thị H không có ý kiến gì. Hiện nay ông vẫn đang đi lại giữa nhà ông ở thôn C, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn và nhà bà Phạm Thị H ở Tổ *, khối *, đường N, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Nay ông không còn tình cảm với bà Lô Thị H, bà Lô Thị H xin được ly hôn với ông, ông nhất trí. Về con chung: Ông và bà Lô Thị H có 03 con chung là Hoàng Ngọc A, sinh ngày 25/6/1986, Hoàng Anh T, sinh ngày 22/9/1989, Hoàng Trọng N, sinh ngày 11/4/1992. Do các con chung đều đã trên 18 tuổi nên ông không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Người làm chứng bà Phạm Thị H trình bày: Khoảng năm 2013, khi bà Lô Thị H đi tù thì bà và ông Hoàng Thanh T có quan hệ tình cảm với nhau. Mẹ của ông Hoàng Thanh T cũng đồng ý cho bà làm vợ hai và theo phong tục của địa phương cũng làm mấy mâm cơm. Bà và ông Hoàng Thanh T có quan hệ tình cảm với nhau từ năm 2013 cho đến nay. Trong khoảng thời gian bà Lô Thị H ở trong tù thì bà Lô Thị H cũng biết bà và ông Hoàng Thanh T qua lại với nhau, bà Lô Thị H cũng nhất trí. Sau này khi bà Lô Thị H ra tù thì có ai đó xúi bẩy bà Lô Thị H, bà Lô Thị H lại không nhất trí cho bà và ông Hoàng Thanh T đi lại với nhau và bà Lô Thị H nộp đơn xin ly hôn với ông Hoàng Thanh T. Bà và ông Hoàng Thanh T không có đăng ký kết hôn gì với nhau, trong thời gian bà Lô Thị H đi tù thì bà và ông Hoàng Thanh T chung sống, nương tựa vào nhau, bà và ông Hoàng Thanh T cũng không phải vợ chồng. Ông Hoàng Thanh T không có đăng ký tạm trú ở nhà bà tại địa chỉ: Tổ *, khối *, đường N, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Tòa án đã tổ chức hòa giải cho bà Lô Thị H và ông Hoàng Thanh T vào ngày 30/3/2023, tuy nhiên ông Hoàng Thanh T vắng mặt nên Tòa án không tiến

hành hòa giải được. Bà Lô Thị H đề nghị Tòa án không hòa giải và đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Lô Thị H giữ nguyên các ý kiến như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Từ khi thụ lý vụ án đến khi tranh luận tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, viết bản tự khai và cung cấp các tài liệu, chứng cứ theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

Về quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 08, 09, 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Đoạn 3 Nghị Quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 và Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho bà Lô Thị H được ly hôn với ông Hoàng Thanh T.

Về con chung: Ông Hoàng Thanh T và bà Lô Thị H có 03 con chung là Hoàng Ngọc A, sinh ngày 25/6/1986, Hoàng Anh T, sinh ngày 22/9/1989, Hoàng Trọng N, sinh ngày 11/4/1992. Do các con chung đều đã trên 18 tuổi và ông Hoàng Thanh T, bà Lô Thị H đều không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Bà Lô Thị H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Lô Thị H có đơn yêu cầu giải quyết việc ly hôn với bị đơn ông Hoàng Thanh T có nơi cư trú ở thôn C, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Do đó căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn là Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn ông Hoàng Thanh T và người làm chứng bà Phạm Thị H, tuy nhiên ông Hoàng Thanh T và bà Phạm Thị H đều đã có ý kiến xin xét xử vắng mặt và đã có đầy đủ lời khai. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228, Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành xét xử, giải quyết vụ án.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Lô Thị H thấy rằng:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân, bà Lô Thị H và ông Hoàng Thanh T đều có ý kiến là đã kết hôn và chung sống với nhau từ năm 1986, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q (nay là thị trấn Đ), huyện C, tỉnh Lạng Sơn vào năm 1986. Tuy nhiên hiện nay giấy chứng nhận đăng ký kết hôn đã thất lạc, cả bà Lô Thị H và ông Hoàng Thanh T đều không còn giữ bản nào. Tại công văn số 100/UBND ngày 04/4/2023 của Ủy ban nhân dân thị trấn Đ đã trả lời hiện nay, Ủy ban không còn lưu trữ sổ đăng ký kết hôn năm 1986 của Ủy ban nhân dân xã Q (cũ) nên không thể xác định được bà Lô Thị H và ông Hoàng Thanh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q (cũ) hay không. Qua tra cứu các sổ đăng ký kết hôn còn lưu trữ tại Ủy ban thị trấn, không có thông tin nào trùng với thông tin của bà Lô Thị H và ông Hoàng Thanh T.

[3.2] Kết quả xác minh tại thôn C, xã H, thành phố L thì có cơ sở cho thấy bà Lô Thị H và ông Hoàng Thanh T đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1986. Bà Lô Thị H, ông Hoàng Thanh T có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương.

[3.3] Điểm a đoạn 3 Nghị Quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 và Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 có quy định: *"Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000"*.

[3.4] Như vậy quan hệ hôn nhân của ông Hoàng Thanh T và bà Lô Thị Hoài là hôn nhân thực tế được xác lập theo quy định tại Nghị Quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 và Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001.

[3.5] Về mâu thuẫn vợ chồng: Bà Lô Thị H và ông Hoàng Thanh T đều xác nhận giữa ông bà có nhiều mâu thuẫn với nhau trong quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, không thể hàn gắn, đến nay ông Hoàng Thanh T và bà Lô Thị H đều xác nhận không còn tình cảm với nhau. Bà Lô Thị H yêu cầu được ly hôn với ông Hoàng Thanh T, ông Hoàng Thanh T cũng đồng ý. Xét thấy mâu thuẫn của ông Hoàng Thanh T và bà Lô Thị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy bà Lô Thị H xin ly hôn với ông Hoàng Thanh T là có căn cứ theo Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận

[4] Về con chung: Ông Hoàng Thanh T và bà Lô Thị H có 03 con chung là Hoàng Ngọc A, sinh ngày 25/6/1986, Hoàng Anh T, sinh ngày 22/9/1989, Hoàng Trọng N, sinh ngày 11/4/1992. Do các con chung đều đã trên 18 tuổi và ông Hoàng Thanh T, bà Lô Thị H đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Do bà Lô Thị H và ông Hoàng Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Do bà Lô Thị H và ông Hoàng Thanh T xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Lô Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 08, 09, 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Đoạn 3 Nghị Quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 và Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lô Thị H, cụ thể: Xử cho bà Lô Thị H được ly hôn với ông Hoàng Thanh T.

2. Về án phí: Bà Lô Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng để nộp ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0001130, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Xác nhận bà Lô Thị H đã nộp đủ tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Lô Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Hoàng Thanh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND thành phố Lạng Sơn;
- CCTHADS thành phố Lạng Sơn (khi án có hiệu lực);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kim Thịnh